TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 91/2020/ST – HNGĐ
Ngày 25 tháng 8 năm 2020
"V/v Yêu cầu ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và ông Thái Doãn Quỳnh

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST – HNGĐ ngày 25/3/2020 về việc "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ–** Sinh năm: 1976

Trú tại: Bản Cao Vều 2, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh **Hà Văn T** – Sinh năm: 1978

Trú tại: Bản Cao Vều 2, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Không có lý do).

* Người làm chứng: Bà Hà Thị H – Sinh năm: 1955

Trú tại: Bản Cao Vều 2, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt, tuy nhiên trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2020 và tại bản tự khai cũng như biên bản lấy lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị và anh Hà Văn T kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 2 con chung, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến cuối năm 2014 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi vợ chồng sống ly thân chị Đ vào làm ăn sinh sống ở tỉnh Đăk Nông còn anh T

ở nhà tại bản Cao vều 2, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Qúa trình sống ly thân vợ chồng không liên lạc nhau, không quan tâm nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là Hà Văn T – Sinh năm 2001 và Hà Văn T – Sinh ngày 07/3/2003. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con ở với chị Đ. Đối với Hà Văn T đã trưởng thành và tự lo cho bản thân được. Còn Hà Văn T – Sinh ngày 07/3/2003 cũng gần đủ tuổi trưởng thành, nay ly hôn chị Đ có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là bà Hà Thị H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Hà Thị H trình bày:

Anh Hà Văn T là con trai của của bà Hà Thị H, còn chị Đ là con dâu. Anh T và chị Đ kết hôn vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn T và Đ về chung sống với gia đình bà H ở bản Cao Vều 2, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc và sinh được 2 con, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà H không biết rõ, chỉ khi thấy vợ chồng cãi nhau, bà H có hỏi thì anh T và chị Đ đều nói do tính cách không hợp nhau, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng, nên đến cuối năm 2014 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân thì Đ về nhà mẹ đẻ ở xã T, huyện A, còn anh T ở nhà với bà H, một thời gian sau thì đi làm ăn ở huyện Y, tỉnh Nghệ An. Từ khi đi làm ăn cho đến nay thì anh T cũng thường xuyên về thăm nhà, còn bình thường thì gọi điện thoại về hỏi thăm. Mỗi lần anh T về hoặc gọi điện về thì bà H có hỏi về công việc và nơi ở thì anh T chỉ nói là đi làm ăn với bạn ở nhiều nơi, không ổn định một chỗ nên bà H không biết rõ địa chỉ hiện nay của anh T ở đâu. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn thì anh T đã biết bởi vì khi Tòa án gửi các giấy tờ cho cho anh T, sau đó anh T về thì bà H đã đưa các giấy tờ do Toà án gửi cho anh T, thì anh T có nói với bà H: Vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nay chị Đ yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý để giải phóng cho nhau. Tuy nhiên hiện nay do bận công việc và xa nhà nên anh T không thể có mặt để giải quyết vụ án theo giấy báo của Tòa án được nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng anh T và chị Đ có 02 con chung là Hà Văn T – Sinh năm 2001 và Hà Văn T – Sinh năm 2003. Theo ý kiến của anh T thì nay cháu T đã trưởng thành, còn cháu T có nguyện vọng ở với ai thì ở. Nếu chị Đ có nguyện vọng được nuôi con thì anh T cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử, bị đơn đã được tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Đ và anh Hà Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung Hà Văn T – Sinh ngày 07/3/2003 cho chị Nguyễn Thị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Văn Tn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luât.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

(1). Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hà Văn T vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn giữa chị Đ và anh T cho bà Hà Thị H là mẹ của anh T nhận và bà H đã báo lại cho anh T được biết nhưng anh T vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải được. Mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Đ, nhưng anh T không về và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của mình cho chị Đ và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Đối với chị Đ đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T và chị Đ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

(2). Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hà Văn T kết hôn với nhau vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc và sinh được 2 con chung, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến cuối năm 2014 do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị Đ và anh T không liên lạc hay gặp nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc nhau và tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có mặt tại địa phương, mặc dù anh T đã biết Toà án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu cho anh T nhưng anh T vẫn không về Toà án để giải quyết. Việc anh T không về để giải quyết vụ án theo giấy báo triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc của mình là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình giấu địa chỉ nên Toà án sẽ xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị Đ và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị Đ và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Đ.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Hà Văn T có 02 con chung là Hà Văn T – Sinh năm 2001 và Hà Văn T – Sinh ngày 07/3/2003. Đối với cháu T hiện nay đã trưởng thành, đối với cháu Hà Văn T – Sinh ngày 07/3/2003 chưa đến tuổi trưởng thành nên cần tiếp tục giao cháu cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị Đ. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Văn T.

2.3. Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

<u>Áp dụng</u>: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228;

khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử;

**** Về quan hệ hôn nhân***: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Hà Văn T.

**** Về nuôi con chung:*** Giao con chung Hà Văn T – Sinh ngày 07/3/2003 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Hà Văn T.

(Sau khi ly hôn, anh Hà Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở).

**** Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0001964 ngày 25/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

**** Về quyền kháng cáo:*** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng